

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HSST
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Phạm Văn N, sinh ngày 27/8/1978, nơi sinh: xã S, huyện L, tỉnh V

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn N, xã Sơn Đông, xã S, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Phạm Văn B; mẹ đẻ: Nguyễn Thị L; vợ: Lê Thị V; có 02 con: lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 58/2009/HSST ngày 31/12/2009, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 2 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án số 117/2013/HSST ngày 18/8/2013, TAND huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2020 đến nay theo Lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Tiến N1, sinh ngày 24/4/1976, nơi sinh: xã T, huyện S, tỉnh V

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Tiến C (đã chết); mẹ đẻ: Nguyễn Thị G; vợ: Trần Thị D; có 01 con: sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 39/2013/HSST ngày 23/7/2013, TAND huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2020 đến nay theo Lệnh tạm giam của Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Vũ Viết Q, sinh năm 1989;

Chị Lã Thị Ngọc M, sinh năm 1994

Đều cư trú: Thôn R, xã T, huyện L, tỉnh V, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/4/2020, Phạm Văn N điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ biển kiểm soát 29R-8668 đi từ nhà đến Trung tâm y tế huyện Lập Thạch để uống thuốc methadone, tại đây N gặp Nguyễn Tiến N1. N nói với N1 “*đi chợ đi*”, ý là rủ N1 cùng đi trộm cắp tài sản thì N1 hiểu ý nên nói “*ừ*”, sau đó N1 điều khiển xe máy của N chở N đi trên đường xem ai có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, khi đi qua nhà anh Vũ Viết Q và chị Lã Thị Ngọc M thì N, N1 phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave α màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 18H1-376.90 của vợ chồng anh Q, chị M dựng trước cửa sát với mặt đường Quốc lộ 2C không khóa cổ, khóa càng, lúc này cửa nhà đã đóng, không có người trông giữ. N nói với N1 “*dừng lại để em lấy xe này*”, N1 dừng xe lại cảnh giới cho N, còn N một mình đi bộ tiến lại gần chiếc xe máy đồng thời N lấy từ trong túi ra 01 chiếc vạm phá khóa hình chữ T đem theo từ trước rồi cắm vào ổ khóa điện và bẻ mở khóa nổ máy xe, N ngồi lên xe phóng đến bán cho Trần Quốc T (làm nghề sửa chữa xe máy ở gần cây xăng xã Triệu Đề) được 2.000.000đ. Sau đó N đi bộ ra đường đợi N1 đi theo sau. N đưa cho N1 1.000.000đ, rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch có văn bản số 385/KL-HĐĐG kết luận chiếc xe Honda wave α màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 18H1-376.90 do N, N1 trộm cắp của gia đình anh Vũ Viết Q định giá 13.000.000đ.

* Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18H1-376.90 các bị cáo trộm cắp của vợ chồng anh Q, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Đến nay anh Q, chị M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị thực tế của chiếc xe là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Bị cáo N, N1 nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh Q, chị M.

- Đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 29R-8668 do N, N1 dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định nguồn gốc là do N trộm cắp tại xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ vào ngày 10/4/2020. Chiếc xe hiện đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tạm giữ để điều tra.

- Đối với chiếc vạm phá khóa xe hình chữ T, N khai đã vứt bỏ dọc đường đi về xã Triệu Đề, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, quá trình điều tra còn xác định các bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến nay Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã xét xử vụ án vào ngày 27/8/2020.

Đối với Trần Quốc T, bị cáo N khai sau khi trộm cắp được xe máy đã đem đến bán cho T được 2.000.000đ. Tại cơ quan điều tra, T khai không biết N, không trao đổi mua bán gì về chiếc xe máy mà N trộm cắp của vợ chồng anh Q, chị M. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của N, không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT- VKS ngày 26 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo N từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Xử phạt bị cáo N1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Áp dụng các Điều 166, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và bị hại: bị cáo N, N1 có nghĩa vụ liên

đổi bồi thường cho anh Q, chị M số tiền là 15.000.000đ (bị cáo N bồi thường 7.500.000đ, bị cáo N bồi thường 7.500.000đ).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng: Bị hại giữ nguyên quan điểm và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ động cơ, mục đích tư lợi để có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 13 giờ 10 phút ngày 28/4/2020, Phạm Văn N và Nguyễn Tiến N1 đã có hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng anh Vũ Viết Q, chị Lã Thị Ngọc M tại thôn R, xã T, huyện L, tỉnh V 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 18H1-376.90, giá trị chiếc xe theo Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 13.000.000đ, sau đó đem bán được 2.000.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1 đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: “1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Các bị cáo không chịu làm ăn chân chính, lười lao động, lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Phạm Văn N: Bị cáo là người có vai trò chính, khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện, trực tiếp thực hiện tội phạm và đem bán. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai châu xử phạt 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích nhưng qua những lần bị xử lý đó bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn mức hình phạt của bị cáo N1. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Tiến N1: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích nhưng qua những lần bị xử lý đó bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân, hoàn cảnh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, song dù giảm nhẹ cũng cần phải xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, như mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Đối với Trần Quốc T, bị cáo N khai sau khi trộm cắp được xe máy đã đem đến bán cho T được 2.000.000đ. Tại cơ quan điều tra, T khai không biết N, không trao đổi mua bán gì về chiếc xe máy mà N trộm cắp của vợ chồng anh Q, chị M. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của N, không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[3] Về áp dụng hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy rằng: các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; là người nghiện ma túy, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo N và N1 nhất trí liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 15.000.000đ (mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại là 7.500.000đ). Xét, giữa bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau phần bồi thường dân sự. Việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N, Nguyễn Tiến N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 166, Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự ; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường giữa các bị cáo và bị hại: Bị cáo N, N1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Vũ Viết Q và chị Lã Thị Ngọc M số tiền là 15.000.000đ (chia ra bị cáo N bồi thường 7.500.000đ, bị cáo N1 bồi thường 7.500.000đ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, bị cáo không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tiến N1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Trại giam Công an t. Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã S;
- UBND xã T;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga